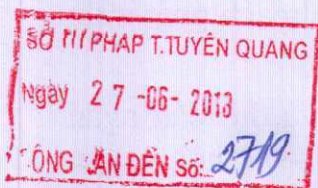


Số: 04 /CT-UBND

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 6 năm 2018

CHỈ THỊ

Về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019



Để triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021; văn bản số 4028/BKHĐT-TH ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc khung hướng dẫn đánh giá giữa kỳ giai đoạn 2016-2020 và xây dựng kế hoạch năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành khẩn trương thực hiện đánh giá giữa kỳ giai đoạn 2016-2020, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021, với những yêu cầu và nội dung chủ yếu như sau:

I. YÊU CẦU

1. Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2018; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng-an ninh năm 2018; Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước và dự toán ngân sách năm 2018; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 06/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ: Đánh giá nghiêm túc, khách quan tình hình thực hiện trên cơ sở các kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm 2018 và ước thực hiện cả năm 2018 so với mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; phân tích, đánh giá những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế, xã hội, môi trường kinh doanh, cải cách hành chính, quốc phòng, an ninh...; những tồn tại, hạn chế, phân tích kỹ các nguyên nhân khách quan và chủ quan để có biện pháp khắc phục nhằm thúc đẩy sản xuất và tăng trưởng, ổn định đời sống nhân dân trong những tháng cuối năm 2018.

2. Xác định mục tiêu và nhiệm vụ kế hoạch năm 2019 trên cơ sở đánh giá tình hình trong nước và của tỉnh trong thời gian qua; dự báo tình hình thế giới, khu vực và trong nước, trong đó làm rõ cơ hội, thách thức đối với phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương; căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh 5 năm 2016-2020.

3. Việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 phải phù hợp với Kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; Kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020; các Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện các Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII để đảm bảo tính khả thi, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực.

4. Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 đảm bảo tính đồng bộ, hệ thống, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị và các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị; đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả và tăng cường trách nhiệm giải trình trong xây dựng kế hoạch và phân bổ các nguồn lực, ngân sách nhà nước, nâng cao chất lượng và hiệu quả của kế hoạch.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với điều chỉnh cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế. Tập trung phát triển một số ngành công nghiệp có lợi thế; phát triển mạnh du lịch và các ngành dịch vụ; phát triển nông, lâm nghiệp hàng hóa theo hướng hiệu quả. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp. Chú trọng chất lượng nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ, phát huy đổi mới, sáng tạo và đẩy mạnh khởi nghiệp nhằm tận dụng các cơ hội phát triển của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường và cải thiện đời sống nhân dân. Ứng phó và thích nghi hiệu quả với biến đổi khí hậu, chủ động phòng, chống thiên tai, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội

2.1. Về phát triển kinh tế

Tiếp tục thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, bổ sung Quy hoạch đến năm 2025; Chương trình

hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về *hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*; Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/02/2017 của Chính phủ và Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 16/02/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về *một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế*. Thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu đầu tư công nhằm chuyển đổi và hình thành cơ cấu đầu tư hợp lý, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của đầu tư công và chất lượng thể chế quản lý đầu tư công, thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển; các kế hoạch, chương trình và đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, trong đó tập trung vào 3 khâu đột phá và các nhiệm vụ trọng tâm. Phân đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2019 đạt trên 8% so với năm 2018.

Đẩy mạnh thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới; tiếp tục thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông dân, nông thôn: tiếp tục triển khai các chính sách về hỗ trợ cây giống lâm nghiệp chất lượng cao, tưới nước tiên tiến cho cây trồng cạn...; phát triển công nghiệp phụ trợ phục vụ sản xuất nông nghiệp, tăng cường ứng dụng cơ giới hóa trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng loại cây trồng, vật nuôi. Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nông sản. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp. Tập trung huy động các nguồn lực để thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch đẩy mạnh công nghiệp chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng và công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2016-2020. Triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thường xuyên nắm bắt tiến độ và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp để tăng khả năng cạnh tranh. Huy động nguồn lực tập trung đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Thu hút các dự án công nghiệp thuộc nhóm công nghệ mới hiện đại. Triển khai có hiệu quả các đề án khuyến công đã được phê duyệt, thúc đẩy phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề khu vực nông thôn. Thúc đẩy đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao năng suất lao động; đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các dự án sản xuất công nghiệp để đưa vào hoạt động đúng kế hoạch đề ra.

Phát triển và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình số 15-CTr/TU ngày 27/6/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về *phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn* và Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020, trong đó chú trọng khai thác tiềm năng để phát triển du lịch, nhằm tạo việc làm, khai thác có hiệu quả về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hoá, lịch sử; có giải pháp khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển du lịch để thu hút mạnh khách du lịch đến với tỉnh Tuyên Quang. Nghiên cứu để xây dựng thương hiệu Lễ hội Thành Tuyên trở thành thương hiệu cấp vùng; xác định, phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng.

Tiếp tục thực hiện Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020; Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2017-2020. Tăng cường kiểm soát chất lượng và giá cả các mặt hàng, sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống, sức khỏe nhân dân; thắt chặt công tác quản lý thị trường, xử lý kịp thời các trường hợp gian lận thương mại, buôn lậu, hàng giả, hàng nhái, kém chất lượng nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của các nhà sản xuất và tiêu dùng. Tăng cường xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường mới.

Thực hiện tốt các giải pháp mở rộng tín dụng có hiệu quả, gắn với kiểm soát, nâng cao chất lượng tín dụng; tập trung đầu tư cho sản xuất, kinh doanh; ưu tiên vốn hỗ trợ cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2.2. *Đẩy mạnh thu hút đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp*

Triển khai đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch. Tiếp tục thực hiện nhất quán, hiệu quả Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu, Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020. Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát trong việc phân bổ và sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Tiếp tục thực hiện Thông báo số 150/TB-VPCP ngày 21/3/2017 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Tuyên Quang; Thông báo số 197/TB-VPCP ngày 30/5/2018 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Tuyên Quang. Huy động, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế. Triển khai thực hiện Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về *đầu tư theo hình thức đối tác công tư*. Tập trung nguồn lực, kiên quyết trong chỉ đạo, điều hành để bảo đảm các dự án, công trình trọng điểm được triển khai đúng tiến độ, chất lượng, nhất là các công trình giao thông kết nối, tập trung xây dựng đường cao tốc nối thành phố Tuyên Quang với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, tuyến đường trục đô thị từ thành phố Tuyên Quang đến trung tâm huyện Yên Sơn; các dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư trên địa bàn tỉnh. Đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi, các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; đầu tư phát triển cơ sở vật chất cho ngành

giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, du lịch, thông tin truyền thông và các công trình phúc lợi xã hội khác. Thực hiện nghiêm túc, giải quyết nhanh chóng các thủ tục đầu tư, giải phóng và bàn giao mặt bằng kịp thời cho các nhà đầu tư; kiên quyết xử lý và thu hồi các dự án đầu tư chậm triển khai để khai thác, sử dụng đất hiệu quả hơn.

Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh, bảo đảm có hiệu quả, đúng tiến độ các giải pháp, mục tiêu theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh đến năm 2020*; trong đó tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đầu tư kinh doanh, giảm tối đa chi phí khởi nghiệp, giảm chi phí đầu vào, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Thực hiện tốt Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật; Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về *phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*; Nghị quyết 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về *tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước*; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

2.3. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường

Thực hiện tốt Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng các nguồn tài nguyên, nhất là tài nguyên đất đai, bảo đảm đúng quy hoạch, kế hoạch, tiết kiệm và cân bằng sinh thái. Quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước. Triển khai thực hiện tốt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 13/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, chú trọng hiệu quả phát triển, hướng tới kinh tế xanh, bền vững. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm môi trường; kiên quyết xử lý các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường. Chú trọng các biện pháp xử lý chất thải rắn, chất thải công nghiệp, chất thải độc hại và chất thải y tế. Đẩy mạnh các giải pháp hữu hiệu giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường, cảnh quan ở khu vực nông thôn, khu vực đô thị.

2.4. Phát triển văn hóa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao cùng với phát triển ứng dụng khoa học công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển; thực hiện Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVI) tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 13/5/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XV) về *phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020*; Kế hoạch của tỉnh về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Chương trình ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực và đặc sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020. Khuyến khích mạnh mẽ mọi tổ chức, cá nhân nghiên cứu, sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, sáng kiến nâng cao năng suất lao động trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển.

Thực hiện Chương trình lao động - việc làm giai đoạn 2016-2020 tỉnh Tuyên Quang và Chương trình Mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo bền vững. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII) về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Mở rộng diện bao phủ, nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách đối với người lao động. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. củng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra, tiếp tục triển khai Đề án Bệnh viện vệ tinh trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, môi trường y tế.

Phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. Phát triển toàn diện các hoạt động văn hóa, chú trọng mở rộng và nâng cao hiệu quả cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao; đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại".

Thực hiện hiệu quả các chính sách dân tộc, tôn giáo; bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Chú trọng công tác người cao tuổi, người khuyết tật. Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên giai đoạn 2011-2020. Tăng cường

công tác quản lý người nghiện và cai nghiện ma túy; nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ sở cai nghiện.

2.5. Cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí

Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp. Tăng cường biện pháp triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020. Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy các sở, ngành, thực hiện tinh giản biên chế theo đúng quy định. Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước gắn với công khai, minh bạch, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; đề cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan, cán bộ nhà nước. Xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, những nhiễu, vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ.

Duy trì vị trí xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh và đẩy mạnh, tăng cường việc thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao vị trí xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh. Tổ chức triển khai cải cách chính sách tiền lương theo tinh thần Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7, khóa XII.

Tăng cường thanh tra, tập trung vào những tiềm ẩn nguy cơ tham nhũng, tiêu cực như quản lý đất đai, tài sản công, đầu tư xây dựng, sử dụng ngân sách nhà nước. Thực hiện tốt Luật tiếp công dân, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; tập trung giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, nhất là các vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài, không để trở thành "điểm nóng", gây mất an ninh trật tự. Thực hiện nghiêm các quy định về phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, chủ động tiến hành kiểm tra, thanh tra để ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về tham nhũng, lãng phí.

Nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính phù hợp, khả thi và phát huy hiệu quả khi triển khai thực hiện. Đẩy mạnh công tác hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở.

2.6. Công tác đối ngoại, thông tin truyền thông; quốc phòng, an ninh

Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 12/02/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế; thực hiện hợp tác, giao lưu với một số địa phương của nước trong khu vực, tập đoàn kinh tế, đối tác nước ngoài.

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, nhất là trong phát

triển kinh tế - xã hội; đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản; tăng phủ sóng phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc thiểu số tới các vùng sâu, vùng xa. Thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm; tạo hiểu biết và nhận thức đúng trong toàn xã hội về bản chất, đặc trưng, các cơ hội và thách thức của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu; thực hiện tốt công tác huấn luyện, giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh. Nắm chắc tình hình, chủ động phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời những vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở. Tập trung đấu tranh, tấn công trấn áp các loại tội phạm và các tệ nạn xã hội; tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong việc chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông, đẩy mạnh công tác tuần tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

3. Đánh giá giữa kỳ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020

3.1. Đánh giá giữa kỳ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020

Căn cứ các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển trong các Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, các Nghị quyết của Chính phủ, các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách hằng năm; trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2 năm 2016, 2017 và ước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và căn cứ khung hướng dẫn tại văn bản số 4028/BKHĐT-TH ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thực hiện đánh giá giữa kỳ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 của tỉnh.

3.2. Đánh giá giữa kỳ thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020

Căn cứ yêu cầu và khung hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 4028/BKHĐT-TH ngày 14 tháng 6 năm 2018 để tổ chức đánh giá việc thực hiện Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết 27/NQ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động,

sức cạnh tranh của nền kinh tế và Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08/11/2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020, trong đó đánh giá việc thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại ngành, lĩnh vực kinh tế gồm: (i) Cơ cấu lại ba trọng tâm gồm cơ cấu lại đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và tổ chức tín dụng; (ii) Cơ cấu lại các ngành kinh tế gồm cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, cơ cấu lại các ngành công nghiệp, và cơ cấu lại các ngành dịch vụ.

4. Nhiệm vụ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019 - 2021

Việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019 - 2021 của các cơ quan, đơn vị, các địa phương trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08/6/2018 của Bộ Tài chính; chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 1746/UBND-TC ngày 14/6/2018 về triển khai thực hiện Thông tư số 54/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành của nhà nước có liên quan. Trong đó lưu ý:

4.1. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2019

Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 16/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về *chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững*.

Thực hiện xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2019 trên cơ sở các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý thu ngân sách; đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2018 và giai đoạn 2016 - 2018 trên địa bàn, đánh giá tình hình thực hiện chi tiết theo từng lĩnh vực, từng khoản thu, từng huyện, thành phố đảm bảo hoàn thành vượt chỉ tiêu thu cân đối ngân sách nhà nước và chỉ tiêu phân đấu được giao năm 2018. Dự toán thu NSNN năm 2019 (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết) tăng tối thiểu 15% so với số ước thực hiện năm 2018.

4.2. Đối với dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019

Xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương trên cơ sở Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, định mức phân bổ chi thường xuyên của Bộ Tài chính, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và các chế độ, chính sách do Trung ương, tỉnh ban hành theo thẩm quyền để xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2019 chi tiết theo từng lĩnh vực, đảm bảo cơ cấu hợp lý theo hướng triệt để tiết kiệm, giảm tối đa kinh phí hội nghị, hội thảo, đi nghiên cứu, khảo sát ở nước ngoài, mua sắm ô tô và trang thiết bị đắt tiền, giảm dần mức hỗ trợ từ NSNN đối với đơn vị sự nghiệp công lập... nhằm giảm chi thường xuyên, để tăng chi đầu tư.

4.3. Lập Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh 05 năm 2016 - 2020 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị, kết quả đạt được giai đoạn 2016 - 2018 và dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2019 và các định hướng kinh tế vĩ mô tại Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08/6/2018 của Bộ Tài chính để tổ chức thực hiện lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019 - 2021 của tỉnh theo đúng Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08/6/2018.

5. Xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2019

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2018, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, khả năng cân đối nguồn vốn trong năm 2019; khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án trong năm 2019 và căn cứ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và các Nghị định khác hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách Nhà nước, yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 4028/BKHĐT-TH ngày 14 tháng 6 năm 2018 để lập kế hoạch đầu tư công năm 2019 của tỉnh.

VI. TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Tiến độ xây dựng kế hoạch

1.1. Về lập báo cáo đánh giá giữa kỳ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021 của tỉnh để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan lập báo cáo đánh giá giữa kỳ thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, Kế hoạch đầu tư công năm 2019 của tỉnh theo yêu cầu và thời gian của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Cục Thuế tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành liên quan xây dựng Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021 của tỉnh theo thời gian và yêu cầu của Bộ Tài chính.

1.2. Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 của các ngành, huyện, thành phố, các đơn vị

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các doanh nghiệp, đơn vị đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 6 tháng đầu năm 2018, ước

thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu năm 2018; lập Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 10 tháng 7 năm 2018, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Cục Thuế, Cục Thống kê và cơ quan quản lý ngành để tổng hợp.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan tổng hợp Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 20 tháng 7 năm 2018 để xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền.

2. Phân công thực hiện

2.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

- Căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Khung hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính chủ động hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, các đơn vị xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

- Đơn đốc, kiểm tra, thẩm định tài liệu của các đơn vị; tiến hành tổng hợp, xây dựng các mục tiêu chủ yếu, chỉ tiêu cụ thể, bao gồm tổng hợp toàn tỉnh và phương án phân bổ cho các đơn vị (thuộc danh mục Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước).

- Phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch và chủ động làm việc, thảo luận với các huyện, thành phố, các ngành, đơn vị, doanh nghiệp; tổng hợp Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 (kèm theo tài liệu giải trình, thuyết minh).

- Chủ động chuẩn bị đầy đủ tài liệu để Ủy ban nhân dân tỉnh giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 cho các ngành, huyện, thành phố, các đơn vị, doanh nghiệp bảo đảm tiến độ theo quy định Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Cục Thống kê tỉnh căn cứ số liệu tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng đầu năm 2018 của tỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) công bố, đồng thời căn cứ vào điều kiện thực tế của tỉnh ước thực hiện cả năm 2018 và dự báo triển vọng phát triển kinh tế - xã hội để xác định chỉ tiêu GRDP năm 2019 cho phù hợp.

2.3. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố khẩn trương quán triệt và thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ; căn cứ chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Chỉ thị này và hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và căn cứ vào tiềm năng, điều kiện phát triển, năng lực sản xuất, kinh doanh để triển khai xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 thuộc ngành, địa phương, đơn vị mình.

2.4. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê tỉnh hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị thực hiện xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cấp, ngành, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm tổ chức tốt Chỉ thị này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận: 

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND huyện, thành phố;
- VP Tỉnh ủy; VP HĐND tỉnh;
- HĐND huyện, thành phố;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh;
- Các chuyên viên Khối NCTH;
- Lưu: VT, TH. (Hth.150)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH




Phạm Minh Huân